

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 tháng đầu năm 2010

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

- Hình thức sở hữu: Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, Dịch vụ, In ấn
- Ngành nghề kinh doanh: theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gồm:
 - Kinh doanh sách giáo khoa, sách giáo viên, sách mở rộng và nâng cao kiến thức, giấy, vở, thiết bị dạy và học, văn phòng phẩm, văn hoá phẩm, đồ dùng thiết bị văn phòng.
 - Sản xuất và cung ứng trang thiết bị cho phòng thí nghiệm, dụng cụ nghe nhìn, đồ chơi trẻ em, đồ chơi mẫu giáo, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, máy vi tính, phần mềm vi tính dạy học, sản phẩm điện tử.
 - In ấn sách giáo khoa, biểu mẫu, hồ sơ sổ sách phục vụ ngành giáo dục và in bao bì giấy nhựa. In gia công, tham gia khai thác các loại ấn phẩm khác.
 - Cung cấp các loại hình dịch vụ: cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh, kho tàng, khách sạn nhà hàng, các loại hình vui chơi giải trí, thiết kế kỹ thuật tạo mẫu.
 - Xuất nhập khẩu sản phẩm văn hoá giáo dục, văn phòng phẩm, thiết bị vi tính điện tử, giấy in các loại.
 - Nhận uỷ thác mua bán, xuất nhập khẩu hàng hoá.
 - Tư vấn cho ngành giáo dục về công tác sách và thiết bị trường học, tham gia hỗ trợ chuyên môn và phát triển công tác sách, thiết bị, thư viện nhà trường.

- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Quý 2 thường là thời gian Công ty có hoạt động mua bán sách, văn phòng phẩm, văn hóa phẩm, hồ sơ sổ sách phục vụ trường học cao trong năm, doanh thu và kết quả kinh doanh vì thế cũng chiếm tỉ trọng cao trong năm.

Tỉ trọng doanh thu từ hoạt động dịch vụ 6 tháng đầu năm 2010 là 7,8%. Tính riêng khu vực Đà Nẵng, doanh thu hoạt động dịch vụ 6 tháng đầu năm 2010 chiếm 8,6%.

Công tác đầu tư xây nhà kho cho thuê tại Khu Công nghiệp Hòa Cầm đã hoàn thành và bắt đầu đưa vào khai thác.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

- Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 31/12/2010.
Kỳ kế toán quý 2/2010 bắt đầu từ ngày 01/04/2010 đến hết ngày 30/06/2010.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán áp dụng theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế

toán doanh nghiệp và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009
Hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng:

Công ty lập báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tài chính năm 2009 và năm 2010 trên cơ sở cùng áp dụng các chính sách kế toán như nhau. Năm 2009 Công ty tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản trong phạm vi quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính. Năm 2010 Công ty tính khấu hao cũng theo phương pháp đường thẳng nhưng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản theo thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính. Thời gian, mức trích khấu hao tài sản của Công ty theo hai cách không có sai lệch đáng kể cần nêu.

Các sự kiện hoặc giao dịch trọng yếu trong kỳ kế toán giữa niên độ:

Năm 2009 doanh nghiệp được hưởng miễn giảm 30% thuế TNDN (đối tượng doanh nghiệp nhỏ và vừa theo nghị quyết số 30/2008/NQ-CP của Chính phủ). Thuế suất thuế TNDN năm 2009 là 25% thu nhập chịu thuế. Năm 2010 doanh nghiệp vẫn chịu thuế suất thuế TNDN là 25% nhưng không được hưởng miễn giảm 30% thuế TNDN như năm 2009 nữa.

Hợp đồng bán hàng cho Dự án phát triển giáo dục trung học phổ thông giá trị 6,5 tỉ đồng kí từ cuối năm 2009 đã thực hiện xong.

6 tháng đầu năm 2010, Công ty hoạt động với vốn điều lệ bình quân là 30.000.000.000 đồng. 6 tháng đầu năm 2009, Công ty hoạt động với vốn điều lệ bình quân là 24.128.835.826 đồng

Nguồn vốn chủ sở hữu :

Vốn chủ sở hữu đến 01/01/2010 có:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu Công ty: 30.000.000.000 đồng
Thặng dư vốn cổ phần: 2.707.300.000 đồng
Quỹ đầu tư phát triển : 3.626.201.264 đồng
Quỹ dự phòng tài chính: 357.843.172 đồng
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 2.303.488.354 đồng

Vốn chủ sở hữu đến 30/06/2010 có:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu Công ty: 30.000.000.000 đồng.
Thặng dư vốn cổ phần: 2.707.300.000 đồng.
Quỹ đầu tư phát triển : 3.824.798.341 đồng
Quỹ dự phòng tài chính: 548.267.590 đồng
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 1.952.002.004 đồng

Biến động lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:

Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 01.01.2010	2.303.488.354
Trong đó: - số dư có tại Đà Nẵng	1.976.519.877
- số dư có tại tpHCM	326.968.477
Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2010	1.975.092.004
Trong đó: - thực hiện tại Đà Nẵng (đã tính thuế cho cả CN)	1.791.913.044
- thực hiện tại tpHCM	183.178.960
Các khoản giảm trừ:	(2.326.578.354)
Chi thù lao hội đồng quản trị	(18.090.000)

Chi cổ tức đợt 2 năm 2009 (5,7%/ VDL 30 tỉ đồng)	(1.710.000.000)
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận năm 2009	
Quỹ đầu tư phát triển	(198.597.077)
Quỹ dự phòng tài chính	(190.424.418)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2010	(209.466.859)
Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 30.06.2010	1.952.002.004
Trong đó: - số dư có tại Đà Nẵng	1.441.854.567
- số dư có tại tpHCM	510.147.437

Doanh thu, kết quả kinh doanh bộ phận 6 tháng đầu năm 2010 theo khu vực địa lý như sau:

	Tại Đà Nẵng	Tại tpHCM	Đơn vị tính: đồng Cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	37.469.029.096	4.248.905.813	41.717.934.909
Lợi nhuận trước thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.456.310.047	183.178.960	2.639.489.007
Tổng giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất cuối kỳ	36.540.110.178	1.937.208.358	38.477.318.536
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định	260.506.065	0	260.506.065

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán:

01. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối quý 2/2010	Đầu năm 2010
Tiền mặt	363.651.976	35.540.280
Tiền gửi ngân hàng	1.907.044.917	2.482.825.607
Cộng:	2.270.696.893	2.518.365.887
02. Đầu tư ngắn hạn khác		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ngắn hạn	0	2.500.000.000
Cộng:	0	2.500.000.000
03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Cuối quý 2/2010	Đầu năm 2010
Phải thu khác	1.487.133.414	3.119.392.076
Cộng:	1.487.133.414	3.119.392.076
04. Hàng tồn kho	Cuối quý 2/2010	Đầu năm 2010
Nguyên liệu, vật liệu	207.930.172	305.187.056
Thành phẩm	216.924.356	246.591.598
Hàng hoá	2.323.540.864	6.470.001.178
Hàng gửi đi bán	17.733.449.744	11.476.404.013
Cộng giá gốc hàng tồn kho	20.481.845.136	18.498.183.845
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	20.481.845.136	18.498.183.845

	Vay đối tượng khác (CNV)	1.980.270.000	2.210.270.000
20.2.	Nợ dài hạn		
	Thuê tài chính		
	Nợ dài hạn khác		
	Các khoản nợ thuê tài chính: không phát sinh		
	Cộng:	6.280.770.000	6.397.270.000
21.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
21.1	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Cuối quý 2/2010	Đầu năm 2010
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng		
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng		
	Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước		
	Cộng tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
21.2	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Cuối quý 2/2010	Đầu năm 2010
	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế		
	Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước		
	Cộng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
22.	Vốn chủ sở hữu		
22.1	Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu		
22.2	Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cuối quý 2/2010	Đầu năm 2010
	Vốn góp của Nhà nước	11.152.800.000	11.152.800.000
	Vốn góp của các đối tượng khác	18.847.200.000	18.847.200.000
	Cộng:	30.000.000.000	30.000.000.000
	* Giá trị trái phiếu đã chuyển đổi thành cổ phiếu trong năm: không		
	* Số lượng cổ phiếu quỹ: không		
	Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi		
22.3	nhuận		
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
	Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	20.000.000.000
	Vốn góp tăng trong kỳ		10.000.000.000
	Vốn góp giảm trong kỳ		
	Vốn góp Cuối kỳ	30.000.000.000	30.000.000.000
	Thặng dư vốn cổ phần (số dư)	2.707.300.000	2.707.300.000
	Cổ tức đã chia		
	Chia cổ tức còn lại năm 2008 trong năm 2009		822.000.000
	Chia cổ tức đợt 1/2009 trong năm 2009 (5%)		1.500.000.000
	Chia cổ tức đợt 2/2009 trong năm 2010 (5,7%)	1.710.000.000	
		6 tháng đầu năm	
22.4	Cổ tức	2010	năm 2009
	Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	chưa công bố	10,7%
	Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		

	Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	
	Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	
22.5	Cổ phiếu	
	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000 3.000.000
	Cổ phiếu phổ thông	3.000.000 3.000.000
	Cổ phiếu ưu đãi	
	*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (Mười ngàn đồng)	
22.6	Các quỹ của doanh nghiệp	Cuối quý 2/2010 Đầu năm 2010
	Quỹ đầu tư và phát triển	3.824.798.341 3.626.201.264
		Cuối quý 2/2010 Đầu năm 2010
	Quỹ dự phòng tài chính	548.267.590 357.843.172
	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	
		6 tháng đầu năm
22.7	Tổng quát thay đổi lãi chưa phân phối như sau:	2010 năm 2009
	Lãi năm trước chưa phân phối	2.303.488.354 1.195.890.580
	Lãi năm 2004-2007 tăng do kết quả của thanh tra tpĐN	690.893.384
	Lãi sau thuế năm nay	1.975.092.004 3.879.228.354
	<i>(Năm 2009: thuế TNDN 25%, được miễn giảm 30%)</i>	
	<i>(Năm 2010: thuế TNDN 25%, không được miễn giảm)</i>	
	Chia cổ tức còn lại năm 2008 trong năm 2009	(822.000.000)
	Ứng cổ tức năm 2009 đợt 1 (5%)	(1.500.000.000)
	Chia cổ tức còn lại năm 2009 trong năm 2010 (5,7%)	(1.710.000.000)
	Thưởng hoạt động năm trước của HĐQT, Ban kiểm soát	0 0
	Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	(18.090.000) (70.740.000)
	Trích quỹ đầu tư và phát triển từ lợi nhuận 2004-2007 tăng thêm theo kết quả của thanh tra tp Đà Nẵng	(690.893.384)
	Trích quỹ đầu tư và phát triển từ lợi nhuận năm trước theo ĐHCĐ	(198.597.077) (119.794.529)
	Trích quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận năm trước theo ĐHCĐ	(190.424.418) (119.794.529)
	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm trước theo ĐHCĐ	(209.466.859) (134.301.522)
	Tạm trích trước quỹ phúc lợi từ lợi nhuận năm 2009	(5.000.000)
	Lãi còn lại chưa phân phối vào cuối năm	1.952.002.004 2.303.488.354

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo Kết quả sản xuất

kinh doanh:

	6 tháng đầu năm 2010	Năm 2009
25.	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	41.747.187.044 72.192.336.020
	Doanh thu bán hàng	38.512.913.255 67.035.786.444
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.234.273.789 5.156.549.576
26.	Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)	29.252.135 99.869.945
	Chiết khấu thương mại	

	Giảm giá hàng bán		
	Hàng bán bị trả lại	29.252.135	99.869.945
	Thuế GTGT phải nộp (PP trực tiếp)		
	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
	Thuế xuất khẩu		
27.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)	41.717.934.909	72.092.466.075
	Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	38.483.661.120	66.935.916.499
	Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	3.234.273.789	5.156.549.576
28.	Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	6 tháng đầu năm 2010	Năm 2009
	Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.950.358.357	5.249.067.188
	Giá vốn của hàng hoá đã bán	27.329.879.546	48.273.774.764
	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	116.105.827	58.928.727
	Giá trị còn lại, cp nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư đã bán		
	Chi phí kinh doanh BĐS đầu tư		
	Hao hụt, mất mát hàng tồn kho		
	Các khoản chi phí vượt mức bình thường		191.732.226
	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
	Cộng:	31.396.343.730	53.773.502.905
29.	Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	6 tháng đầu năm 2010	Năm 2009
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	36.827.871	98.379.342
	Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		43.000
	Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.660.235	
	Lãi bán ngoại tệ		
	Lãi chênh lệch tỷ giá		
	Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	22.833.196	291.363.628
	Doanh thu hoạt động tài chính khác		
	Cộng:	74.321.302	389.785.970
30.	Chi phí tài chính (Mã số 22)	6 tháng đầu năm 2010	Năm 2009
	Lãi tiền vay	344.807.900	477.598.529
	Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		36.461.982
	Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
	Lỗ bán ngoại tệ		
	Lỗ chênh lệch tỉ giá	129.870	108.471.970
	Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
	Chi phí tài chính khác		133.938
	Cộng:	344.937.770	622.666.419
31.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)	6 tháng đầu năm 2010	Năm 2009
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành của văn phòng tại Đà Nẵng	618.602.262	796.478.204
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành của Chi nhánh tại tpHCM	45.794.741	57.394.483

	Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
	Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	664.397.003	853.872.687
32.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)	6 tháng đầu năm 2010	Năm 2009
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch lệch tạm thời phải chịu thuế		
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
	Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
	Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng		
	Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
	Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	0	0
33.	Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	6 tháng đầu năm 2010	Năm 2009
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.834.908.635	3.384.554.868
	Chi phí nhân công	4.405.422.466	7.178.869.653
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.488.902.525	2.553.175.536
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.911.225.909	4.120.574.454
	Chi phí khác bằng tiền	772.960.353	1.732.813.511
	Cộng:	11.413.419.888	18.969.988.022

VII. Những sự kiện trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán 30.6.2010: Công trình cải tạo nâng tầng nhà 78 Bạch Đằng đến 7 tầng, tầng 7 nhà 76 Bạch Đằng và nhà kho Hòa Cầm đang trong giai đoạn hoàn chỉnh quyết toán và kiểm toán công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

PHẠM MAI ANH

LÊ MẠNH

NGUYỄN VĂN CÀN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC
Quý 2 Năm 2010

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

2. Hình thức sở hữu: Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, Dịch vụ, In ấn

Ngành nghề kinh doanh: theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gồm:

- Kinh doanh sách giáo khoa, sách giáo viên, sách mở rộng và nâng cao kiến thức, giấy, vở, thiết bị dạy và học, văn phòng phẩm, văn hoá phẩm, đồ dùng thiết bị văn phòng.
- Sản xuất và cung ứng trang thiết bị cho phòng thí nghiệm, dụng cụ nghe nhìn, đồ chơi trẻ em, đồ chơi mẫu giáo, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, máy vi tính, phần mềm vi tính dạy học, sản phẩm điện tử.
- In ấn sách giáo khoa, biểu mẫu, hồ sơ sổ sách phục vụ ngành giáo dục và in bao bì giấy nhựa. In gia công, tham gia khai thác các loại ấn phẩm khác.
- Cung cấp các loại hình dịch vụ: cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh, kho tàng, khách sạn nhà hàng, các loại hình vui chơi giải trí, thiết kế kỹ thuật tạo mẫu.
- Xuất nhập khẩu sản phẩm văn hoá giáo dục, văn phòng phẩm, thiết bị vi tính điện tử, giấy in các loại.
- Nhận uỷ thác mua bán, xuất nhập khẩu hàng hoá.
- Tư vấn cho ngành giáo dục về công tác sách và thiết bị trường học, tham gia hỗ trợ chuyên môn và phát triển công tác sách, thiết bị, thư viện nhà trường.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Quý 2 thường là thời gian Công ty có hoạt động mua bán sách, văn phòng phẩm, văn hóa phẩm, hồ sơ sổ sách phục vụ trường học cao trong năm, doanh thu và kết quả kinh doanh vì thế cũng chiếm tỉ trọng cao trong năm.

Tỉ trọng doanh thu từ hoạt động dịch vụ 6 tháng đầu năm 2010 là 7,8%. Tính riêng khu vực Đà Nẵng, doanh thu hoạt động dịch vụ 6 tháng đầu năm 2010 chiếm 8,6%.

Công tác đầu tư xây nhà kho cho thuê tại Khu Công nghiệp Hòa Cầm đã hoàn thành và bắt đầu đưa vào khai thác.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

3. Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 31/12/2010.

Kỳ kế toán quý 2/2010 bắt đầu từ ngày 01/04/2010 đến hết ngày 30/06/2010.

4. Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

2. Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán áp dụng theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng:

Công ty lập báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tài chính năm 2009 và năm 2010 trên cơ sở cùng áp dụng các chính sách kế toán như nhau. Năm 2009 Công ty tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản trong phạm vi quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính. Năm 2010 Công ty tính khấu hao cũng theo phương pháp đường thẳng nhưng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản theo thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính. Thời gian, mức trích khấu hao tài sản của Công ty theo hai cách không có sai lệch đáng kể cần nêu.

V. Các sự kiện hoặc giao dịch trọng yếu trong kỳ kế toán giữa niên độ:

Năm 2009 doanh nghiệp được hưởng miễn giảm 30% thuế TNDN (đối tượng doanh nghiệp nhỏ và vừa theo nghị quyết số 30/2008/NQ-CP của Chính phủ). Thuế suất thuế TNDN năm 2009 là 25% thu nhập chịu thuế. Năm 2010 doanh nghiệp vẫn chịu thuế suất thuế TNDN là 25% nhưng không được hưởng miễn giảm 30% thuế TNDN như năm 2009 nữa.

Hợp đồng bán hàng cho Dự án phát triển giáo dục trung học phổ thông giá trị 6,5 tỉ đồng kí từ cuối năm 2009 đã thực hiện xong.

6 tháng đầu năm 2010, Công ty hoạt động với vốn điều lệ bình quân là 30.000.000.000 đồng. 6 tháng đầu năm 2009, Công ty hoạt động với vốn điều lệ bình quân là 24.128.835.826 đồng

Nguồn vốn chủ sở hữu :

Vốn chủ sở hữu đến 01/01/2010 có:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu Công ty: 30.000.000.000 đồng
Thặng dư vốn cổ phần: 2.707.300.000 đồng
Quỹ đầu tư phát triển : 3.626.201.264 đồng
Quỹ dự phòng tài chính: 357.843.172 đồng
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 2.303.488.354 đồng

Vốn chủ sở hữu đến 30/06/2010 có:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu Công ty: 30.000.000.000 đồng.
Thặng dư vốn cổ phần: 2.707.300.000 đồng.
Quỹ đầu tư phát triển : 3.824.798.341 đồng
Quỹ dự phòng tài chính: 548.267.590 đồng
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 1.952.002.004 đồng

Biến động lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:

Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 01.01.2010	2.303.488.354
Trong đó: - số dư có tại Đà Nẵng	1.976.519.877
- số dư có tại tpHCM	326.968.477
Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2010	1.975.092.004
Trong đó: - thực hiện tại Đà Nẵng (đã tính thuế cho cả CN)	1.791.913.044
- thực hiện tại tpHCM	183.178.960
Các khoản giảm trừ:	(2.326.578.354)
Chi thù lao hội đồng quản trị	(18.090.000)
Chi cổ tức đợt 2 năm 2009 (5,7%/ VDL 30 tỉ đồng)	(1.710.000.000)

Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận năm 2009

Quỹ đầu tư phát triển	(198.597.077)
Quỹ dự phòng tài chính	(190.424.418)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2010	(209.466.859)
Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 30.06.2010	1.952.002.004
Trong đó: - số dư có tại Đà Nẵng	1.441.854.567
- số dư có tại tpHCM	510.147.437

Doanh thu, kết quả kinh doanh bộ phận 6 tháng đầu năm 2010 theo khu vực địa lý như sau:

	Tại Đà Nẵng	Tại tpHCM	Đơn vị tính: đồng Cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	37.469.029.096	4.248.905.813	41.717.934.909
Lợi nhuận trước thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.456.310.047	183.178.960	2.639.489.007
Tổng giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất cuối kỳ	36.540.110.178	1.937.208.358	38.477.318.536
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định	260.506.065	0	260.506.065

VI. Những sự kiện trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán 30.6.2010: Công trình cải tạo nâng tầng nhà 78 Bạch Đằng đến 7 tầng, tầng 7 nhà 76 Bạch Đằng và nhà kho Hòa Cầm đang trong giai đoạn hoàn chỉnh quyết toán và kiểm toán công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

NGƯỜI LẬP BIỂU

KÊ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

PHẠM MAI ANH

LÊ MẠNH

NGUYỄN VĂN CÀN